TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG** TỈNH TIỀN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 26/01/2024
V/v tranh chấp: *"Xin Ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoàng Nhi.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Lê Thành Thạnh Tiến
2. Ông Lê Thanh An

- Thư ký phiên tòa: Bà Phùng Anh Thy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú Đông không tham gia phiên tòa.

Ngày 26 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 188/2023/TLST-HNGĐ, ngày 07 tháng 12 năm 2023, về tranh chấp: *"Xin ly hôn, nuôi con"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 19/01/2024, giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị Kim S, sinh năm 1985
Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Tiền Giang.
- *Bị đơn:* Anh Đỗ Thanh P, sinh năm 1986;
Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Tiền Giang

(Chị S và anh P xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản hòa giải nguyên đơn chị Lê Thị Kim Soàn trình bày:*

Chị S và anh P tự tìm hiểu và tự nguyện tiến đến hôn nhân, có tổ chức cưới và đăng ký kết hôn ngày 11/4/2018 tại UBND xã T. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống không hạnh phúc do anh P có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác nên vợ chồng thường cãi nhau. Đến năm 2020, mâu thuẫn giữa vợ chồng phát sinh trầm trọng nên đã sống ly thân đến nay. Trong thời gian sống ly thân, vợ chồng không hàn gắn được tình cảm. Nay tình cảm của chị S đối với anh P không còn nên xin ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Đỗ Lê An N, sinh ngày 25/9/2018. Hiện con đang sống với chị S. Ly hôn, chị S yêu cầu tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

***** *Theo bản tự khai, bị đơn anh Đỗ Thanh P trình bày:*

Anh P và chị S tự nguyện tiến đến hôn nhân và kết hôn ngày 11/4/2018. Vợ chồng chung sống một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2020 đến nay. Nay chị S xin ly hôn, anh P đồng ý vì tình cảm vợ chồng không còn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Đỗ Lê An N, sinh ngày 25/9/2018. Hiện con đang sống với chị S. Ly hôn, anh P đồng ý giao Đỗ Lê An N cho chị S tiếp tục nuôi dưỡng. Anh P không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật, phạm vi khởi kiện

Chị Lê Thị Kim S xin ly hôn với anh Đỗ Thanh P nên đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo qui định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân huyện Tân Phú Đông theo khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Ngày 19/01/2024, chị S xin vắng mặt tại phiên tòa. Ngày 09/01/2024, anh P xin vắng mặt tại phiên tòa. Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 điều 227 và khoản 1 điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xử vụ án vắng mặt chị S và anh P.

[2] Về nội dung vụ kiện

Về quan hệ hôn nhân: Chị S và anh P tiến đến hôn nhân có đăng ký kết hôn ngày 11/4/2018 tại UBND xã T nên quan hệ hôn nhân giữa chị S và anh P được pháp luật công nhận. Nay chị S xin ly hôn nên áp dụng Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết. Theo bản tự khai, biên bản hòa giải, chị S và anh P trình bày thống nhất vợ chồng phát sinh mâu thuẫn sau khi kết hôn. Đến năm 2020 thì mâu thuẫn trầm trọng và vợ chồng sống ly thân nhau đến nay. Thời gian sống ly thân, vợ chồng không hàn gắn tình cảm được. Xét thấy: Tòa án đã tổ chức phiên hòa giải là tạo điều cho chị S và anh P gặp nhau trao đổi, hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh P vẫn không đến, chứng tỏ anh P không muốn hàn gắn tình cảm, đoàn tụ gia đình. Do đó, cho thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Nay chị S và anh P thống nhất thuận tình hôn. Đây là sự tự nguyện của các anh chị nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con tên Đỗ Lê An N, sinh ngày 25/9/2018. Hiện con anh chị đang sống với chị S. Chị S trình bày, thời gian sống ly thân, chị S trực tiếp nuôi con chung. Tại các bản tự khai, chị S và anh P, trình bày thống nhất giao chị S tiếp tục nuôi con chung. Xét thấy, để đảm bảo ổn định cuộc sống cho Đỗ Lê An N nên giao Đỗ Lê An N cho chị S tiếp tục nuôi dưỡng. Chị S không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.
Về nợ chung: Không có.

[3] Về án phí:
- Chị Lê Thị Kim S nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.
- Anh Đỗ Thanh P không phải nộp nộp án phí sơ thẩm.
Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Điều luật áp dụng:
- Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;
- Điều 5; khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;
- Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH.14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Xử:
1. Về quan hệ hôn nhân:
- Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị Kim S.
- Chị Lê Thị Kim S được ly hôn với anh Đỗ Thanh P.

2. Về con chung:
- Giao con tên Đỗ Lê An N, sinh ngày 25/9/2018 cho chị Lê Thị Kim S tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng.
- Chị Lê Thị Kim S không yêu cầu anh Đỗ Thanh P cấp dưỡng nuôi con.
- Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.
- Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí:
Chị Lê Thị Kim S phải nộp 300.000 (*ba trăm nghìn)* đồng, án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (*ba trăm nghìn)* đồng, theo biên lai số 0001544, ngày 07/12/2023, của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Tân Phú Đông. Như vậy, chị Lê Thị Kim S đã nộp xong án phí.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án dân sự, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc

bị cưỡng chế thi hành án tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án do Tòa án tống đạt hợp lệ, các đương sự có quyền kháng cáo Bản án đến Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- VKS ND H.Tân Phú Đông;
- Chi cục THA DS H.Tân Phú Đông;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

NGUYỄN THỊ HOÀNG NHI